

Bản án số 542/2023/DS-PT
Ngày 02/11/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 331/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại”, do có kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12209/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Minh Ph, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng Hùng C - Công ty luật TNHH Công M, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; địa chỉ: số 55 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Khắc Th1, sinh năm 1975; anh Đỗ Khắc D, sinh năm 1881; anh Đỗ Khắc T1, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Khắc Ngh, sinh năm 1976 và bà Vi Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: số 78 Đốc Ng, phường Vĩnh Ph2, quận Ba Đ1, thành phố Hà Nội; ông Ngh vắng mặt, bà H có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1985 (vợ anh T1); vắng mặt.
2. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1975 (vợ anh Th1); vắng mặt.
3. Chị Lê Thị Nh, sinh năm 1984 (vợ anh D); vắng mặt.
4. Ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1951; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh;

5. Chị Đỗ Thị Th2, sinh năm 1972; địa chỉ: 251B Bùi Văn B1, phường Tân Thuận Đ2, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

6. Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 38, ngõ 27, tổ 13 phố Thanh Đ3, phường Thanh Tr, quận Hoàng M1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố Chính Tr1, thị trấn Trâu Q, huyện Gia L, thành phố Hà Nội; có mặt.

8. Anh Chu Văn K, sinh năm 1977; chị Chu Thị Ph3, sinh năm 1972; chị Chu Thị Th3, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: thôn Bình M2, thị trấn Trâu Q, huyện Gia L, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, anh K: Bà Phạm Minh Ph, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

9. Ủy ban nhân dân huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; địa chỉ: thị trấn Thứa, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:***

Bố mẹ bà là cụ Phạm Văn C1, sinh năm 1920 (chết năm 1985) và cụ Bùi Thị S, sinh năm 1925 (chết năm 1988). Bố mẹ bà có 05 người con là Phạm Thị X, Phạm Thị L1, Phạm Thị Th4, Phạm Minh Ph và Phạm Thị H2, ngoài ra không có người con nuôi, con riêng nào.

Bà Phạm Thị X chết năm 1983, bà X có chồng là ông Chu Văn Th (chết năm 2006) và có 03 người con là: Chu Thị Ph3, sinh năm 1972; Chu Thị Th3, sinh năm 1974, địa chỉ: thôn Giang Cao, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; Chu Văn K, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ dân phố Bình Minh, thị trấn Châu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bà Phạm Thị L1 chết năm 2012, bà L1 có chồng là ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1951 và có 05 người con là: Đỗ Thị Th2, sinh năm 1972, hiện đang ở thành phố Hồ Chí Minh; Đỗ Khắc Th1, sinh năm 1975, địa chỉ: thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; Đỗ Thị H1, sinh năm 1977 hiện sinh sống ở Hà Nội; Đỗ Khắc T1, sinh năm 1979 và Đỗ Khắc D, sinh năm 1981, cùng địa chỉ: thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh.

Bà Phạm Thị Th4, sinh năm 1960, chết năm 1998, không có chồng, con.

Bà Phạm Minh Ph, sinh năm 1965, địa chỉ: thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh.

Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ dân phố Chính Trung, Châu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Tại đơn khởi kiện ban đầu của bà Phạm Minh Ph trình bày bố mẹ bà có 01 người con nuôi là ông Phạm Văn Ngh1 (đã chết năm 2012) nhưng ông Ngh1 với bố mẹ bà không có quan hệ nuôi dưỡng cũng như không làm giấy tờ thủ tục con nuôi gì nên bà xác định lại là ông Ngh1 không phải là con nuôi hợp pháp của bố mẹ bà nên đề nghị Tòa án không đưa ông Ngh1 tham gia tố tụng.

Năm 1993, bà bị bán sang Trung Quốc đến năm 2017 thì bà về Việt Nam. Khi về nhà của bố mẹ thì thấy gia đình anh Th1, gia đình anh T1 và các con đang sinh sống trên mảnh đất của bố mẹ bà tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh. Bà được biết, thửa đất mà bố mẹ bà để lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho anh Đỗ Khắc Th1 (Thửa số 82, diện tích 200m²) và anh Đỗ Khắc D (Thửa số 81, diện tích số 217m²);

Trước khi chết bố mẹ bà không để lại di chúc. Khi còn sống cụ C1 và cụ S có thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay thửa đất này đã đứng tên hai cháu trai của bà là anh Đỗ Khắc Th1 và anh Đỗ Khắc D. Còn thực tế đang sinh sống trên thửa đất này là gia đình anh Đỗ Khắc Th1 và gia đình anh Đỗ Khắc T1. Do vậy, bà xác định bị đơn trong vụ án này là anh Đỗ Khắc Th1, anh Đỗ Khắc D, anh Đỗ Khắc T1. Thay đổi so đơn khởi kiện ban đầu chỉ có bị đơn là anh Đỗ Khắc Th1, anh Đỗ Khắc D. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh chấp nhận.

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 02/01/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/10/2022 và các lời khai khác thì bà xác định những yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cụ C1 và cụ S để lại: Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh (nay gồm 2 thửa: Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02, nay là thửa số 36, tờ bản đồ 21, diện tích 348m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên anh Đỗ Khắc Th1; Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 37, tờ bản đồ 21, diện tích 231m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên anh Đỗ Khắc D).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lương T cấp cho anh Đỗ Khắc Th1 (Thửa đất số 82, diện tích 200m²) và anh Đỗ Khắc D (Thửa đất số 81, diện tích 217m²); (Thửa đất số 82 tờ bản đồ số 02, nay là thửa số 36 tờ bản đồ 21, diện tích 348m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên anh Đỗ Khắc Th1; Thửa đất số 81 tờ bản đồ số 02, nay là thửa số 37 tờ bản đồ 21, diện tích 231m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên anh Đỗ Khắc D). Bà xin được nhận phần thừa

kế của bà bằng hiện vật để bà có chỗ ở và nhận phần thừa kế của bà Phạm Thị Th4 nếu được chia.

- Đề nghị bồi thường thiệt hại phá nhà và cây trồng, cụ thể: Yêu cầu anh T1 bồi thường cho bà giá trị của 16 cây ăn quả mà anh T1 đã chặt đi để làm nhà, tổng giá trị của 16 cây là khoảng 16 triệu đồng. Yêu cầu anh Th1 bồi thường giá trị của ngôi nhà cấp 4 mà bố mẹ bà xây năm 1987 để năm 2013 xây nhà mới cho gia đình anh Th1 ở, giá trị của ngôi nhà cấp 4 là 300 triệu đồng.

- Xử phạt anh Th1, anh T1 về tội hủy hoại tài sản thừa kế để chiếm đất.

- Cường chế nhà và các công trình xây dựng trái phép của anh Th1, anh T1.

*** *Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bị đơn là anh Đỗ Khắc Th1, anh Đỗ Khắc D (do chị Vi Thị H là đại diện) và anh Đỗ Khắc T1 trình bày:***

Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc cụ Phạm Văn C1, sinh năm 1920, chết năm 1985 và cụ Bùi Thị S, sinh năm 1925, chết năm 1988. Các cụ có 05 người con đẻ là Phạm Thị X, Phạm Thị L1, Phạm Thị Th4, Phạm Minh Ph, Phạm Thị H2, ngoài ra không có người con nuôi, con riêng nào. Nguồn gốc thửa đất và hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1, cụ S và của các con cụ C1, cụ S như bà Ph trình bày là đúng.

Các anh xác nhận có bố đẻ là ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1951 và mẹ đẻ là bà Phạm Thị L1, sinh năm 1952, chết năm 2012. Bố mẹ các anh có 05 người con chung là: Chị Đỗ Thị Th2, sinh năm 1973; anh Đỗ Khắc Th1, sinh năm 1975; chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1977; anh Đỗ Khắc T1, sinh năm 1979; anh Đỗ Khắc D, sinh năm 1981. Ngoài ra, không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Khi cụ C1 chết năm 1985 và cụ S chết năm 1988 thì bà Ph bỏ đi mất tích một thời gian dài, khoảng hơn 25 năm từ năm 1993 đến nay thì gia đình anh Th1 cùng bà Th4 quản lý và sử dụng thửa đất này. Năm 1998 bà Th4 chết thì thửa đất đã bỏ hoang nên mẹ anh là bà L1 đã đứng lên để giữ đất và đăng ký GCNQSDĐ thửa đất cho anh Th1 và anh D. Năm 2000 anh Th1, anh D đã khai hoang tôn tạo như hiện nay, các công trình trên đất các anh xây dựng sau khi cấp GCNQSDĐ. Năm 2000 GCNQSDĐ cấp cho hộ anh D thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 217m² đến nay thửa đất số 37, tờ bản đồ số 02, diện tích 231m²; GCNQSDĐ cấp cho hộ anh Th1 thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m² đến nay thửa đất số 36, tờ bản đồ số 02, diện tích 348m². Quá trình sử dụng anh em anh Th1, anh D đã tiến hành tôn tạo và khai hoang thêm diện tích đất khiến cho diện tích tăng thêm so với diện tích ban đầu và việc anh em Đỗ Khắc Th1, Đỗ Khắc D, Đỗ Khắc T1 và ông Đỗ Khắc B (bố anh Th1, anh D, anh T1) xây dựng nhà ở và các công trình phụ trên diện tích đất này đã được UBND huyện Lương T cấp GCNQSDĐ là ngay tình và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Trong suốt thời gian anh Th1, anh D, anh T1 ở trên thửa đất này đến nay không có tranh chấp, khiếu kiện gì.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph, anh Th1, anh D, anh T1 đều không đồng ý và đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng vì các anh có trách nhiệm ma chay, thờ cúng ông bà tổ tiên và có nguyện vọng để cho bà Ph phần đất vườn trồng sau nhà làm nhà ở và hỗ trợ cho bà Ph do bà Ph tuổi cao không có khả năng lao động.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Phạm Thị H2 trình bày: Tôi xác nhận hàng thừa kế và nguồn gốc thừa đất của cụ C1, cụ S như bà Ph trình bày là đúng. Bà xác định bố mẹ bà là cụ C1, cụ S chết để lại thừa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh (nay gồm 2 thửa: Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 36, tờ bản đồ 21, diện tích 348m² và thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 37, tờ bản đồ 21, diện tích 231m²), tài sản trên đất 01 căn nhà 03 gian, xây dựng năm 1987 và các loại cây ăn quả. Bố mẹ bà chết không để lại di chúc. Nay thừa đất của bố mẹ bà để lại được cấp GCNQSDĐ mang tên hai cháu là Đỗ Khắc Th1, Đỗ Khắc D nên bà không đồng ý. Bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Ph và đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản cụ C1, cụ S để lại theo quy định của pháp luật, đối với các yêu cầu khởi kiện khác của bà Ph bà không có ý kiến. Bà đề nghị nhận thừa kế tài sản bằng quyền sử dụng đất đối với di sản bố mẹ bà để lại. Đối với phần tài sản của bà Th4 nếu được chia thì bà từ chối nhận và tặng cho bà Ph. Do công việc bận nên bà ủy quyền cho bà Phạm Thị Ph tham gia tố tụng và đề nghị xét xử vắng mặt bà.

- Anh Chu Văn K, chị Chu Thị Ph3, chị Chu Thị Th3 trình bày: Bố mẹ anh chị là ông Chu Văn Thao, sinh năm 1945, chết năm 2006 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1948, chết năm 1983. Bố mẹ anh chị chết không để lại di chúc. Anh chị biết nguồn gốc thừa đất thừa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh (nay gồm 2 thửa: Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 36, tờ bản đồ 21, diện tích 348m² và thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 37, tờ bản đồ 21, diện tích 231m²) là của ông ngoại anh chị là cụ Phạm Văn C1 và cụ Bùi Thị S để lại. Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản cụ C1 và cụ S, anh chị đề nghị nhận phần thừa kế mà bà X được hưởng. Chị Ph3, chị Th2 xác định không liên quan và đóng góp đối với tài sản các cụ để lại nên từ chối tham gia tố tụng và đề nghị tặng cho phần tài sản thừa kế mà các chị được hưởng cho anh K. Chị Ph3, chị Th2 đề nghị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án. Anh K ủy quyền cho bà Phạm Thị Ph tham gia tố tụng và đề nghị xét xử vắng mặt anh.

- Chị Nguyễn Thị Ch (vợ anh Đỗ Khắc Th1) trình bày: Bố mẹ anh Th1 là ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1952, chết năm 2012. Bố mẹ chồng chị có 05 người con chung đúng như trình bày của bà Ph. Năm 2000, Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình chị với thửa đất số 82,

diện tích là 200m² mang tên hộ anh Đỗ Khắc Th1. Đến năm 2004, mẹ chị là bà Phạm Thị L1 đưa cho vợ chồng chị GCNQSDĐ thửa đất này để ra ở riêng. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông bà ngoại anh Th1. Theo chị biết, sau khi ông bà ngoại mất, bà Ph và bà Th4 sinh sống trên thửa đất này. Đến năm 1993 bà Ph bỏ đi làm ăn xa, năm 1998 bà Th4 chết thì toàn bộ thửa đất và nhà cửa bỏ hoang. Vợ chồng chị đến sinh sống, tân tạo và sử dụng từ năm 2004 đến nay. Đến năm 2013, vợ chồng chị xây dựng nhà kiên cố trên đất và được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Khi vợ chồng chị ra ở riêng, trên thửa đất chỉ có 01 nhà cấp 4 ba gian đã cũ nát, vợ chồng chị đã sửa chữa và san lấp thùng vũng ở vườn để ở, còn các cây ăn quả trên vườn không có giá trị và đã tự chết. Vợ chồng chị sinh được 02 người con, cháu Đỗ Thị Diễm Quỳnh, sinh năm 2002 và cháu Đỗ Khắc Việt, sinh năm 2004, hiện các cháu đang ở cùng vợ chồng chị. Chị xác định tài sản trên thửa đất là của vợ chồng chị, các cháu khi còn bé không có công sức đóng góp. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ph vì xác định gia đình chị đã san lấp, tu tạo, sinh sống ổn định và liên tục trên thửa đất này từ năm 2000 đến nay và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Chị ủy quyền cho anh Th1 - chồng chị toàn quyền giải quyết về yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Ph.

- *Chị Nguyễn Thị Ph1 (vợ anh Đỗ Khắc T1) trình bày:* Bố mẹ anh T1 là ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1952, chết năm 2012. Bố mẹ chồng chị có 05 người con đúng như lời trình bày của bà Ph. Chị biết hiện thửa đất mà bà Ph khởi kiện đề nghị chia thừa kế hiện đang đứng tên hai anh em là Đỗ Khắc Th1 và Đỗ Khắc D theo GCNQSDĐ được Nhà nước cấp năm 2000. Nguồn gốc thửa đất là của ông bà ngoại anh T1 để lại. Sau khi được Nhà nước cấp GCNQSDĐ, năm 2010 do vợ chồng em D chuyển vào trong làng sinh sống nên không có nhu cầu sử dụng thửa đất nên vợ chồng chị xây nhà cấp 4 để ở và sinh sống trên thửa đất của vợ chồng em D đến nay. Quá trình sinh sống, vợ chồng anh chị đã xây dựng 01 nhà cấp 4 ba gian và các công trình phụ trên đất để ở. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ph về việc tháo dỡ tài sản trên đất vì thửa đất được cấp GCNQSDĐ hợp pháp cho anh D nên vợ chồng chị xây dựng nhà trên đất có sự cho phép của anh D, không ai có ý kiến.

- *Theo bản tự khai ngày 27/10/2021 của chị Đỗ Thị Th2 và chị Đỗ Thị H1 đều trình bày:* Điều xác nhận bố mẹ các chị là ông Đỗ Khắc B, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1952, chết năm 2012. Bố mẹ các chị có 05 người con chung là: chị Đỗ Thị Th2 đã lấy chồng hiện đang sống tại Hồ Chí Minh, em trai Đỗ Khắc Th1 lấy vợ và sống tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; Đỗ Thị H1 lấy chồng và đang sống tại Hà Nội, em trai Đỗ Khắc T1 lấy vợ và đang sống thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh; em trai Đỗ Khắc D lấy vợ và đang sống thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh. Các chị được biết nguồn gốc của thửa đất số 81, diện tích 217m² mang tên Đỗ Khắc D và thửa đất số 82, diện tích là 200m² mang tên Đỗ

Khắc Th1 là của ông bà ngoại chị là cụ C1 và cụ S để lại. Sau khi ông bà mất thì bà Th4 và bà Ph ở hai thửa đất nêu trên, đến năm 1993 bà Ph bỏ đi làm ăn, còn bà Th4 ở lại trên diện tích đất đó. Khi bà Th4 ở đó do không có chồng con nên bố mẹ chị và anh chị em chị đã chăm sóc nuôi dưỡng. Đến năm 1998, bà Th4 qua đời, toàn bộ đất và nhà cửa của ông bà ngoại chị bỏ hoang. Đến năm 2000, Nhà nước định thu hồi sung công quỹ diện tích đất của ông bà ngoại thì mẹ các chị là bà L1 đã đứng ra nhận đóng thuế và làm GCNQSDĐ cho hai em là Th1 và D. Sau khi được Nhà nước cấp GCNQSDĐ, vợ chồng anh D không có nhu cầu sử dụng nên năm 2010 thì vợ chồng D để cho vợ chồng anh T1 có vợ là Ph ra ở trên diện tích đất này. Trước đây thửa đất này là vườn và thung vũng vợ chồng anh Th1, anh D đã san lấp và tu tạo. Đến năm 2013, vợ chồng anh Th1 xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Nay bà Ph yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với 02 thửa đất này đồng thời yêu cầu bồi thường phần tài sản trên đất và phá bỏ công trình trên đất của các cụ để lại thì chị không đồng ý vì thửa đất đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ hợp pháp từ năm 2000 cho anh Th1, anh D, tài sản trên đất không có gì, cây cối trên đất không có giá trị kinh tế, không tạo ra thu nhập và vợ chồng anh Th1, anh D đã đóng thuế đất ở liên tục từ năm 2000 đến nay. Do ở xa đi lại khó khăn, các chị đề nghị làm văn bản ủy quyền cho các em trai Th1, D và T1 tham gia tố tụng tại Tòa án.

Anh Đỗ Khắc D, chị Lê Thị Nh, ông Đỗ Khắc B ủy quyền cho anh Đỗ Khắc T1 và chị Nguyễn Thị Ph1 giải quyết về yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Ph.

- Theo Biên bản xác minh ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương T tại UBND xã Lâm Th, đại diện UBND xã Lâm Th cung cấp: Thửa đất số 81, diện tích 217m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Đỗ Khắc D, thửa đất số 82, diện tích 200m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ anh Đỗ Khắc Th1. Nguồn gốc của hai thửa đất trên là được tách từ thửa đất của cụ Phạm Văn C1 và cụ Bùi Thị S. Cả hai thửa đất đều được cấp GCNQSDĐ theo hình thức tự kê khai. Thửa đất số 81 hiện nay là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 21, diện tích 231m², thửa đất số 82 hiện nay là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 21, diện tích 348m². Trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất của anh D và anh Th1 đều xác định nguồn gốc sử dụng đất là ông bà cho thừa kế đất chia trại năm 1963 nhưng không có hồ sơ lưu trữ tại UBND xã Lâm Th và tại thời điểm năm 2000 là cấp theo hình thức tự kê khai.

- Tại Công văn số 21/CV-CNVP ngày 06/2/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lương T có ý kiến như sau: *“Khi người sử dụng đất đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện xác nhận tình trạng tranh chấp, sự phù hợp quy hoạch, nguồn gốc sử dụng,*

nội dung kê khai so với hiện trạng sử dụng,...(căn cứ tại Điều 7 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai)”.

- Tại Công văn số 08/CV-UBND ngày 02/02/2023 của UBND xã Lâm Th có ý kiến như sau: “Sau khi xem xét và xác minh về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đối với diện tích tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. UBND xã Lâm Th phối hợp với thôn Nhiêu Đ, chủ sử dụng đất xác định phần đất tăng thêm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất giao thông xóm, do quá trình sử dụng đất gia đình ông Th1, ông D đã tôn tạo và sử dụng từ khi cấp Giấy chứng nhận đến nay ổn định, ranh giới rõ ràng, đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận QSD đất, phù hợp quy hoạch nông thôn mới xã Lâm Th”.

- Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương T xác định: Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 217m² của hộ anh D nay là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 21, diện tích 231m². Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Tây Bắc giáp với thửa đất nhà ông Lưu, phía Tây Nam giáp với thửa đất hộ anh Th1, phía Đông Nam giáp với đường xóm, phía Đông Bắc giáp với đường xóm. Trên thửa đất gồm có các tài sản: 19m² công trình phụ mái ploximăng, 24m² nhà cấp 4 do anh T1 xây dựng, 02 cây nhãn, 02 cây xoài, 03 cây hồng xiêm, 04 cây bưởi, 03 cây na, 01 cây mít do bà Ph trồng năm 2017. Ngoài ra tường bao xây bằng gạch.

Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m² của hộ anh Th1 nay là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 21, diện tích 348m². Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Tây Bắc giáp với nhà ông Ngọc, bà Tâm, phía Tây Nam giáp với đường xóm, phía Đông Nam giáp với đường xóm, phía Đông Bắc giáp với thửa đất hộ anh D. Tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà 02 tầng có diện tích 154m², công trình phụ diện tích 77m², mái vẩy lợp tôn có diện tích 111m², tường rào, cột trụ, khung sắt và sân gạch do anh Th1 xây dựng, một phần nhà cấp 4 diện tích 13m², lán xếp gạch lợp tôn có diện tích 22m² do bà Ph quản lý, 01 cây roi.

Hội đồng định giá xác định 01m² đất tranh chấp có giá trị là 6.000.000 đồng/m²; Ngôi nhà 02 tầng diện tích sàn khoảng 150m² giá trị là 357.865.000 đồng; Công trình phụ giá trị là 37.573.000 đồng; Mái vẩy lợp tôn thường giá trị là 9.412.000 đồng; Tường rào, cột trụ, khung sắt là 3.990.000 đồng.

Tài sản của anh T1 chị Ph1: Nhà cấp 4 giá trị 27.246.000 đồng, tường bao xây gạch giá trị 2.907.000 đồng, sân gạch giá trị 1.225.000 đồng, 01 cây roi giá trị 225.000 đồng, 01 cây nhãn giá trị 750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST ngày 27/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, 147, 157, 165, 239, 243,

244, 248, 260, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Minh Ph.

1.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lương T cấp ngày 18/12/2000 cho hộ ông Đỗ Khắc Th1 thừa đất số 82, tờ bản đồ 2, diện tích 200m² và cấp cho hộ ông Đỗ Khắc D đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ 2, diện tích 217m², đều có địa chỉ tại Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Phạm Văn C1 và cụ Bùi Thị S là thửa đất số 82 tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 36 tờ bản đồ 21, diện tích 348m²) tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Đỗ Khắc Th1; Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 37, tờ bản đồ 21, diện tích 231m²) tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Đỗ Khắc D.

1.3. Xác nhận hàng thừa kế của cụ Phạm Văn C1 và cụ Bùi Thị S là anh Chu Văn K (thừa kế thế vị của bà Phạm Thị X), bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị Th4, bà Phạm Minh Ph, bà Phạm Thị H2.

Hàng thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị L1 là: Ông Đỗ Khắc B, chị Đỗ Thị Th2, anh Đỗ Khắc Th1, chị Đỗ Thị H1, anh Đỗ Khắc T1, anh Đỗ Khắc D.

Hàng thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị Th4 là: Bà Phạm Thị L1, bà Phạm Minh Ph, bà Phạm Thị H2.

1.4. Phân chia di sản thừa kế như sau:

- Giao cho bà Ph được quyền sử dụng thửa đất có diện tích là 116m² và được sở hữu các tài sản trên phần đất được giới hạn bởi các cạnh S1,7,8,S2,S1.

- Giao cho những người hàng thừa kế theo pháp luật của bà L1 được quyền sử dụng thửa đất diện tích 463m² và được sở hữu các tài sản trên phần thửa đất được giới hạn bởi các cạnh 1,2,3,4,5,6,S1,S2,9,11,12,13,14,1 nhưng phải trích trả cho anh Chu Văn K, bà Phạm Thị H2 mỗi người 417.000.000 đồng (kèm sơ đồ phân chia di sản thừa kế).

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh lý biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph về yêu cầu buộc anh Đỗ Khắc T1 bồi thường giá trị 16 cây ăn quả với số tiền khoảng 16 triệu đồng; Yêu cầu anh Đỗ Khắc Th1 bồi thường giá trị ngôi nhà cấp 4 mà bố mẹ bà đã xây dựng năm 1987 với số tiền là 300.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ph về đề nghị xử phạt anh Th1, anh T1 về tội hủy hoại tài sản thừa kế để chiếm đất; cưỡng chế nhà và các công trình xây dựng trái phép của anh Th1, anh T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Minh Ph1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 15/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H2 và anh Chu Văn K kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế cho bà H2, anh K bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Phạm Minh Ph vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm xác định diện tích 162m² đất là di sản thừa kế của bố mẹ bà đồng thời chia thừa kế bằng hiện vật cho anh K, bà H2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về nguồn gốc đất các đương sự đều xác định là của bố mẹ để lại nên thời hiệu chia thừa kế vẫn còn. Bản án sơ thẩm nhận định việc cấp GCNQSDĐ cho anh D, anh Th1 đúng pháp luật là sai lầm. Việc cấp GCNQSDĐ tại địa phương chỉ bằng đo tay dẫn tới bỏ ra ngoài giấy chứng nhận diện tích đất 162m². UBND xã Lâm Th cho rằng diện tích 162m² là đất lấn chiếm hành lang giao thông, nhưng không có tài liệu chứng minh, giả sử diện tích đất đó là hành lang giao thông thì Tòa án cấp sơ thẩm phải giao cho địa phương quản lý nhưng bản án sơ thẩm lại giao cho bị đơn quản lý là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Ph xác định 162m² đất là di sản thừa kế của các cụ C1, cụ S. Việc không chia thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất cho anh K là không đảm bảo quyền lợi cho anh K vì diện tích đất vẫn đủ điều kiện chia bằng hiện vật được và anh K có nguyện vọng được chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Ph, bà H2, anh K.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vi Thị H đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Phạm Minh Ph, bà Phạm Thị H2, anh Chu Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 319 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Ph, chấp nhận kháng cáo của bà H2, anh K, chia di sản thừa kế bằng hiện vật theo Điều 660 Bộ luật dân sự, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cụ Phạm Văn C1 và cụ Bùi Thị S sinh được 05 người con chung, không có con riêng, con nuôi nào khác. Cụ C1 chết năm 1985, cụ S chết năm 1988, hai cụ chết không để lại di chúc, không có căn cứ thể hiện các cụ đã tặng cho tài sản khi còn sống nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản mà bị đơn, tài sản thừa kế tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Lương T cấp cho bị đơn nên Tòa án nhân dân huyện Lương T đã vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 34; Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32, Điều 41 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ C1 chết năm 1985, cụ S chết năm 1988. Ngày 05/5/2020 bà Ph có đơn khởi kiện chia thừa kế tài sản của cụ C1 và cụ S. Về thời hiệu chia thừa kế tài sản của cụ C1 và Cụ S được xác định theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 688 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Do cụ C1 và cụ S đều chết trước ngày 10/9/1990, căn cứ Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Do đó, tính từ ngày 10/9/1990 đến ngày xác nhận đơn khởi kiện của bà Ph là 05/5/2020 là 29 năm 06 tháng (thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm) thì thời hiệu khởi kiện chia tài sản thừa kế đối với cụ C1 và cụ S

vẫn còn. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Minh Ph và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2, anh Chu Văn K, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph về chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² (nay tách thành 2 thửa là: Thửa số 82, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 36, tờ bản đồ 21, diện tích 348m² và thửa số 81, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 37, tờ bản đồ 21, diện tích 231m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh):

Xét về nguồn gốc tài sản thừa kế và hiện trạng: Thửa đất 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² (nay tách làm 2 thửa: Thửa số 82, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 36, tờ bản đồ 21, diện tích 348m² và thửa số 81, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 37, tờ bản đồ 21, diện tích 231m²), có nguồn gốc do cụ Phạm Văn C1 và cụ Bùi Thị S tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của cụ C1 và cụ S. Việc này đều được các con, các cháu của các cụ thừa nhận, ngoài ra tại thời điểm làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với hai thửa đất trên thì anh D và anh Th1 đều xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là của các cụ để lại. Ngoài ra, Tòa án xác minh tại UBND xã Lâm Th cũng xác định thửa đất số 82 tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 36 tờ bản đồ 21, diện tích 348m² và thửa đất số 81 tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 37 tờ bản đồ 21, diện tích 231m² được tách từ thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² có nguồn gốc của cụ C1 và cụ S. Sau này thửa số 81 được tách làm hai thửa là thửa số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 217m² và thửa số 82, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m² đã được UBND huyện Lương T cấp GCNQSDĐ mang tên hộ anh Th1, hộ anh D. Trong quá trình quản lý sử dụng, hiện nay thửa số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 217m² mang tên hộ anh Th1 nay là thửa số 36, tờ bản đồ số 21, diện tích tăng lên là 348m² và thửa số 82, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m², diện tích tăng lên là 231m². Như vậy, diện tích hai thửa đất đã tăng thêm so với diện tích ban đầu từ 417m² thành 579m².

Anh Th1, anh D, anh T1 đều trình bày: Khi cụ C1 và cụ S chết thì bà Th4 và bà Ph ở trên thửa đất này, đến năm 1993 thì bà Ph đi Trung Quốc, còn bà Th4 sinh sống trên thửa đất này đến năm 1998 thì bà Th4 chết. Sau khi bà Th4 chết thì toàn bộ thửa đất và nhà cửa của cụ C1 và cụ S bỏ hoang, đến năm 2000 nhà nước định thu hồi sung công quỹ diện tích đất của các cụ thì bà L1 - mẹ các anh đứng ra nhận đóng thuế và làm GCNQSDĐ cho anh Th1, anh D. Đến năm 2017, bà Ph mới từ Trung Quốc về đòi nhận đất và làm đơn khởi kiện. Theo trình bày của đại diện theo ủy quyền của anh Th1, anh D cho rằng việc diện tích tăng lên là do anh em anh Th1, anh D đã có công sức đóng góp vào việc tôn tạo và khai hoang tăng thêm diện tích thửa đất. Ngoài ra, theo Công văn của UBND xã Lâm Th trả lời: “*Do quá trình sử dụng đất gia đình ông Th1, ông D đã tôn tạo và sử*

dụng từ khi cấp Giấy chứng nhận đến nay ổn định, ranh giới rõ ràng, đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phù hợp quy hoạch nông thôn mới xã Lâm Th”

Như vậy, phần diện tích tăng lên là 162m² được xác định là quyền sử dụng đất của gia đình anh em anh Th1, anh D do có công sức tôn tạo và khai hoang làm tăng thêm diện tích thửa đất so với diện đất ban đầu. Như vậy, tài sản để chia thừa kế của cụ C1 và cụ S là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh.

Khi các cụ còn sống thừa đất trên chưa tặng cho hay chuyển nhượng cho ai và các cụ chết không để lại di chúc. Do đó xác định quyền sử dụng đất của thửa đất 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m², tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh là di sản thừa kế của cụ C1 và cụ S để lại.

Do cụ C1 và cụ S chết không để lại di chúc nên di sản của các cụ sẽ được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Về hàng thừa kế thứ nhất:

Tất cả các đương sự đều thừa nhận cụ C1 kết hôn với cụ S sinh được 05 người con là các bà: Phạm Thị X, Phạm Thị L1, Phạm Thị Th4, Phạm Minh Ph, Phạm Thị H2, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1, cụ S là các bà Phạm Thị X, Phạm Thị L1, Phạm Thị Th4, Phạm Minh Ph, Phạm Thị H2.

Tuy nhiên, cụ C1 chết năm 1985, cụ S chết năm 1988 mà bà Phạm Thị X, chết năm 1983, chết trước cụ C1 và cụ S nên căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự thì các con của bà X được thừa kế thế vị đối phần di sản mà bà X khi còn sống được hưởng. Do vậy, hàng thừa kế thế vị của bà X là: Chị Chu Thị Ph3, chị Chu Thị Th3 và anh Chu Văn K. Do chị Ph3 và chị Th2 có đơn đề nghị từ chối tài sản thừa kế và chuyển hết tài sản thừa kế được nhận sang cho anh K nên anh K là người thừa kế thế vị của bà X.

Bà Phạm Thị L1 chết năm 2012, do vậy những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà L1 là ông Đỗ Khắc B (chồng bà L1) và 05 người con là: Chị Đỗ Thị Th2, anh Đỗ Khắc Th1, chị Đỗ Thị H1, anh Đỗ Khắc T1, anh Đỗ Khắc D (gọi chung là hàng thừa kế của bà L1).

Bà Phạm Thị Th4, chết năm 1998, không có chồng con. Do đó hàng thừa kế theo pháp luật của bà Th4 là: Bà Phạm Thị Ph, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị L1. Do bà L1 chết năm 2012 nên hàng thừa kế của bà L1 được nhận phần tài sản này. Bà H2 có nguyện vọng đối phần di sản được nhận từ bà Th4, bà từ chối nhận và tặng cho bà Ph. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

- Về di sản thừa kế:

Như phân tích ở trên, di sản thừa kế của cụ C1 và cụ S là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích 417m^2 tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh. Các đương sự đều trình bày tại thời điểm các cụ còn sống có xây dựng tài sản trên đất là sân vườn, cây ăn quả lâu năm và 01 ngôi nhà lợp ngói nhưng hiện nay đã bị phá dỡ do quá trình sử dụng, gia đình nhà anh Th1, anh D đã tân tạo, khai hoang và xây dựng công trình nhà trên đất và sinh sống từ năm 2000 cho đến nay. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/7/2022, giá trị thửa đất là $6.000.000 \text{ đồng} \times 417\text{m}^2 = 2.502.000.000 \text{ đồng}$.

- Phân chia di sản thừa kế:

Các đương sự trình bày từ năm 1998 khi bà Th4 chết thì gia đình bà L1 rồi sau này các con bà L1 là anh em anh Th1, anh D đã tân tạo và sinh sống trên thửa đất này cho đến nay. Do vậy, cần xác định gia đình bà L1 là người trực tiếp quản lý và bảo quản di sản từ năm 1998 cho đến nay do vậy cần trích trả công sức bảo quản, duy trì di sản cho hàng thừa kế của bà L1 được hưởng 01 phần định suất thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ C1 và cụ S.

Di sản thừa kế của cụ C1 và cụ S được chia thành 06 suất thừa kế. Mỗi suất thừa kế là: $417\text{m}^2 : 6 \text{ suất} = 69,5\text{m}^2$ (tương đương trị giá là $2.502.000.000 \text{ đồng} : 6 = 417.000.000 \text{ đồng}$)

Do đó, anh K, bà Th4, bà Ph, bà H2 mỗi người được hưởng một suất thừa kế là $69,5\text{m}^2$ (trị giá là: $417.000.000 \text{ đồng}$).

Chia phần thừa kế của bà Th4 cho hàng thừa kế theo pháp luật gồm: Bà Ph, bà H2 và hàng thừa kế của bà L1 như sau: $69,5\text{m}^2 : 3 = 23,16\text{m}^2$ (trị giá là $138.960.000 \text{ đồng}$).

Hàng thừa kế của bà L1 được hưởng một suất thừa kế của bà L1 và được hưởng một suất thừa kế về công sức bảo quản, duy trì di sản và một suất thừa kế của bà Th4 (bao gồm ông B, chị Th2, chị H1, anh Th1, anh D và anh T1) là $69,5\text{m}^2 + 69,5\text{m}^2 + 23,16\text{m}^2 = 162,16\text{m}^2$ (trị giá là: $972.960.000 \text{ đồng}$).

Bà Ph được phần của bà H2 tặng cho nên bà Ph được nhận 02 suất thừa kế là: $69,5\text{m}^2 + 23,16\text{m}^2 + 23,16\text{m}^2 = 115,82\text{m}^2$ (làm tròn số 116m^2) (trị giá là $694.920.000 \text{ đồng}$)

Như vậy, anh K được hưởng phần di sản thừa kế là $69,5\text{m}^2$ (trị giá là $417.000.000 \text{ đồng}$); Bà Ph được hưởng phần di sản thừa kế là 116m^2 (trị giá là $694.920.000 \text{ đồng}$); Bà H2 được hưởng phần di sản thừa kế là $69,5\text{m}^2$ (trị giá là $417.000.000 \text{ đồng}$); Hàng thừa kế của bà L1 gồm: Ông B, chị Th2, chị H1, anh Th1, anh D và anh T1 được hưởng phần di sản thừa kế là $162,16\text{m}^2$ (trị giá là $972.960.000 \text{ đồng}$). Đối phần diện tích 162m^2 tăng lên do anh em anh Thuý anh D tân tạo, khai hoang và sử dụng từ khi cấp GCNQSDĐ từ năm 2000 đến nay ổn định, ranh giới rõ ràng, đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ, phù hợp quy hoạch

nông thôn mới xã Lâm Th nên tổng hợp với số diện tích được chia là $162,16m^2 + 162m^2 = 324,16m^2$.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Ph đề nghị nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để làm nơi ở. Anh K, bà H2 do bà Ph là đại diện theo ủy quyền đề nghị nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Hàng thừa kế của bà L1 đề nghị nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng của gia đình anh em nhà anh Th1, anh D và anh T1 sau này gia đình tự phân chia không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, xét thấy anh K và bà H2 đều có nơi ở ổn định, sinh sống tại đó trên 20 năm, mặc dù biết việc anh Th1, anh D đã làm nhà sinh sống trên phần đất các cụ để lại nhưng không có ý kiến nên không căn cứ chấp nhận yêu cầu nhận di sản bằng quyền sử dụng đất. Do bà Ph hiện không có nơi ở nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Ph được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, đối với hàng thừa kế của bà L1 đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng của anh em gia đình anh Th1, anh D do anh Th1, anh T1 hiện đang sinh sống trên thửa đất này, không có chỗ ở nào khác nên cần chấp nhận hàng thừa kế của bà L1 nhận kỷ phần bằng hiện vật, các hàng thừa kế của bà L1 tự thỏa thuận với nhau, sau này anh Th1, anh D, anh T1 có tranh chấp về phân chia thừa kế của bà L1 có quyền yêu cầu khởi kiện trong một vụ án khác.

Như đã phân tích ở trên, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 02, diện tích $417m^2$ tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh nay được tách thành 02 thửa là thửa số 36, tờ bản đồ số 21, diện tích $348m^2$ được cấp GCNQSDĐ hộ anh Đỗ Khắc Th1 và thửa số 37, tờ bản đồ số 21, diện tích là $231m^2$ có phần diện tích dôi dư so với diện tích ban đầu là $162m^2$ thuộc quyền sử dụng đất của anh em nhà anh Th1, anh D do có công sức khai hoang, tôn tạo thửa đất nên cần giao phần diện tích dôi dư cho hàng thừa kế của bà L1. Do đó, theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND Bắc Ninh ban hành Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đảm bảo quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Do đó cần chia thừa kế cho bà Ph là quyền sử dụng đất, còn chia thừa kế cho các thừa kế khác giá trị bằng tiền, đồng thời giao cho những người hàng thừa kế theo pháp luật của bà L1 quyền sử dụng đất còn lại nhưng phải trích trả cho các thừa kế khác bằng tiền là phù hợp với pháp luật. Cụ thể chia như sau:

- Chia cho bà Ph được quyền sử dụng thửa đất có diện tích là $116m^2$ và được sở hữu các tài sản trên phần đất được giới hạn bởi các cạnh S1,7,8,S2,S1.

- Chia cho những người hàng thừa kế theo pháp luật của bà L1 được quyền sử dụng thửa đất diện tích $463m^2$ và được sở hữu các tài sản trên phần thửa đất được giới hạn bởi các cạnh 1,2,3,4,5,6,S1,S2,9,11,12,13,14,1 nhưng phải trích trả cho anh Chu Văn K, bà Phạm Thị H2 mỗi người 417.000.000 đồng (kèm sơ đồ phân chia di sản thừa kế).

2.2. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lương T cấp cho anh Th1 (Thửa số 82, diện tích 200m²) và anh D (Thửa số 81, diện tích 217m²); (Thửa số 82, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 36, tờ bản đồ 21, diện tích 348m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên ông Đỗ Khắc Th1; Thửa số 81, tờ bản đồ số 02 nay là thửa số 37, tờ bản đồ 21, diện tích 231m² tại thôn Nhiêu Đ, xã Lâm Th, huyện Lương T, tỉnh Bắc Ninh mang tên ông Đỗ Khắc D):

Về nguồn gốc thửa đất là đất chia trại từ năm 1963 cho hai cụ C1 và cụ S. Sau đó, cụ C1 và cụ S cùng các con sử dụng thửa đất này cho đến khi các cụ chết. Do vậy xác định đây là di sản thừa kế của của cụ C1 và cụ S. Khi hai cụ chết cũng không có văn bản nào về việc tặng cho thửa đất này, cũng như biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung hay phân chia tài sản thừa kế của cụ C1 và cụ S theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Th1, anh D tự ý đi làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho mình khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1 và cụ S. Do đó, việc UBND huyện Lương T cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Đỗ Khắc Th1 và hộ anh Đỗ Khắc D là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần hủy GCNQSDĐ số 00060 QSDĐ/285QĐ-CTH, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 217m² mang tên hộ ông Đỗ Khắc D và GCNQSDĐ số 00591 QSDĐ/285QĐ-CT, thửa đất số 82, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m² mang tên hộ ông Đỗ Khắc Th1 đều cấp cùng ngày 18/12/2000 là có căn cứ chấp nhận.

2.3. Đối với các yêu cầu khởi kiện đề nghị bồi thường thiệt hại phá nhà và cây trồng; Yêu cầu anh T1 bồi thường cho bà Ph giá trị của 16 cây ăn quả mà anh T1 đã chặt đi để làm nhà. Tổng giá trị của 16 cây là khoảng 16 triệu đồng. Yêu cầu anh Th1 bồi thường giá trị của ngôi nhà cấp 4 mà bố mẹ bà xây năm 1987 để năm 2013 để xây nhà mới cho gia đình anh Th1 ở. Giá trị của ngôi nhà cấp 4 là 300 triệu đồng. Xử phạt anh Th1, anh T1 về tội hủy hoại tài sản thừa kế để chiếm đất. Cưỡng chế nhà và các công trình xây dựng trái phép của anh Th1 anh T1.

Sau khi cụ C1 và cụ S chết 1988 theo các đương sự trình bày thì còn bà Th4, bà Ph sinh sống trên thửa đất này. Bà H2, bà L1 đi lấy chồng và sinh sống tại nhà chồng. Tuy nhiên, năm 1993 bà Ph đi Trung Quốc, mới trở về địa phương năm 2017, bà Th4 chết năm 1998. Do vậy, thửa đất do gia đình bà L1 sử dụng từ năm 2000 cho đến nay, gia đình anh em anh Th1 con bà L1 đã khai hoang, tân tạo và phá dỡ nhà cũ, xây dựng công trình mới trên đất như hiện nay. Do nhà cũ của các cụ đã bị phá dỡ nên Tòa án không thể định giá được và các bị đơn thừa nhận nhà các cụ đã cũ không còn khả năng sinh sống nên buộc phải tháo dỡ. Xét thấy nhà cấp 4 các cụ xây từ năm 1985 thì không thể còn giá trị sử dụng mà bà Ph yêu cầu anh Th1 bồi thường ngôi nhà này giá trị là 300.000.000 đồng mà không đưa ra tài liệu chứng cứ nào chứng minh là không có căn cứ

chấp nhận. Đối với các cây trồng hiện không còn và không có cơ sở để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu xử phạt anh Th1, anh T1 về tội hủy hoại tài sản thừa kế và đề nghị cưỡng chế nhà và các công trình xây dựng trái phép của anh Th1, anh T1 không phải là yêu cầu dân sự trong vụ án này nên Tòa án không xem xét.

Đối với công trình xây dựng trên đất và tài sản trên đất của anh em của anh Thuý, anh D không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Ph, bà H2, anh K kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì mới, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Ph, bà H2 và anh K.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Minh Ph, bà Phạm Thị H2, anh Chu Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vĩ các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Minh Ph và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2, anh Chu Văn K;

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DSST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Về án phí: Bà Phạm Minh Ph phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000378 ngày 30/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bà Phạm Thị H2 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000380 ngày 02/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Anh Chu Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000381 ngày 02/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

Ngô Tự Học